

Bản án số: **112/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 28-12-2021

V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thái

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thiện
2. Ông Nguyễn Thanh Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thảo Chi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 12 năm 2021, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Đức Linh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 388/2021/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 11 năm 2021, về: Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 177/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/12/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Thanh Tr, sinh năm 1969. Có mặt.

Địa chỉ: Số 23 đường 27, thôn 2, xã MP, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh 1970. Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

Địa chỉ: Số 23 đường 27, thôn 2, xã MP, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/11/2021, trong quá trình tố tụng nguyên đơn ông Trần Thanh Tr trình bày: Ông Trần Thanh Tr và bà Nguyễn Thị M tự nguyện tổ chức đám cưới vào năm 1985, có con đầu lòng sinh năm 1987. Đến năm 1991 hai bên mới đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Mê Pu. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khi sinh đứa con thứ 02 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do kinh tế của gia đình khó khăn, nên sinh ra cái gắt với nhau. Trong cuộc sống vợ chồng thường xuyên cãi vã lẫn nhau về những chuyện trong gia đình, mâu thuẫn ngày càng lớn dần; giữa vợ chồng không có tiếng nói chung, không hòa thuận, chồng làm việc gì, thì vợ cũng không đồng ý và ngược lại. Vợ chồng đã ly thân khoảng 5 năm nay. Vừa rồi vợ chồng con cái hợp thống nhất là ông Tr, bà M không thể chung sống với nhau nên ly hôn. Về con chung ông Tr bà M có 03 con chung: Trần Thanh H, sinh năm 1987, Trần Thanh L, sinh năm 1989 và Trần Thị P, sinh năm 1992. Các con hiện đã lớn và có gia đình riêng. Về tài sản không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị M không tham gia. Bà M có đơn đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt bà M. Tòa án đã giao các thông báo cho bà M, nhưng bà M không có ý kiến gì.

Qua xác minh thì được biết: Ông Tr và bà M sống không có hạnh phúc, thường xảy ra xích mích, mâu thuẫn với nhau. Nguyên nhân là do trong công việc và cuộc sống hàng ngày hai vợ chồng không cùng quan điểm. Ông Tr và bà M đã sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau. Ông Tr và bà M đều đồng ý ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận phát biểu ý kiến:

Về thủ tục: Thẩm phán đã thụ lý hồ sơ vụ án đúng thẩm quyền, gửi thông báo cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh và các đương sự đúng thời hạn luật định, xác định đúng quan hệ pháp luật đang tranh chấp. Đối với Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử vụ án theo đúng trình tự, thủ tục mà pháp luật tố tụng dân sự đã quy định, Thư ký phiên tòa thực hiện thủ tục tố tụng đúng quy định.

Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Hôn nhân giữa hai bên là hợp pháp. Do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giải quyết cho ly hôn, theo Điều 19, 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng Tòa án nhận định như sau:

[1] *Về việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp:* Căn cứ vào nội dung, yêu cầu tại đơn khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án xác định đây là vụ án: Ly hôn.

[2] *Về thẩm quyền:* Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận theo quy định tại Khoản 1, Điều 35 và Khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về việc vắng mặt của đương sự:* Bị đơn Nguyễn Thị M đã được triệu tập hợp lệ nhưng có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[4] *Về hôn nhân:* Hôn nhân giữa ông Trần Thanh Tr và bà Nguyễn Thị M là hôn nhân hợp pháp kể từ khi đăng ký kết hôn vào năm 1991 cho đến nay. Cuộc sống hôn nhân giữa ông Tr, bà M không có hạnh phúc; thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân cũng do kinh tế gia đình lâm vào khó khăn, từ đó vợ chồng không hòa thuận, không có tiếng nói chung trong cuộc sống hàng ngày cũng như công việc làm ăn. Từ đó giữa vợ chồng thực sự không còn tình cảm yêu thương, thể hiện là đã sống ly thân từ nhiều năm nay, không còn quan tâm lẫn nhau. Xét thấy hôn nhân không đạt được mục đích. Do đó chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Tr, là phù hợp Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình.

[5] Vợ chồng có 03 con chung, hiện các con đã lớn và lập gia đình riêng, nên không phải giải quyết về việc nuôi con. Về tài sản chung, đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] *Về án phí:* Ông Trần Thanh Tr chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định pháp luật.

[7] Về kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, quy định về mức

thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Tuyên bố: Ông Trần Thanh Tr ly hôn bà Nguyễn Thị M.

2. Về án phí: Ông Trần Thanh Tr phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh, theo biên lai thu tiền số 0005682 ngày 22/11/2021. Ông Tr đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án (28/12/2021) ; bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án, để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./-

Nơi nhận:
-TAND tỉnh;
-VKSND huyện;
-CCTHADS huyện;
-Đương sự;
-Lưu./

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thái